TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 22-11-2024
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 416/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 23/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 12/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Cây Ổ, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở tạm trú: ấp Cây H, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh). Có mặt

- *Bị đơn*:

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp Ngãi Ch, xã Ngãi H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

Bà Phan Thị Th, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp Ngãi Ch, xã Ngãi H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu:

Vào ngày 11/9/2023 bà cho vợ chồng bà Th, ông D mượn số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, có biên nhận nợ, mục đích để trả nợ Ngân hàng, thỏa thuận ngày hôm sau – tức ngày 12/9/2023 trả tiền. Nhưng vợ chồng bà Th, ông D không trả gốc cũng không trả lãi nên bà khởi kiện đòi bà Th ông D trả tiền mượn (vay) gốc 100.000.000đ và tiền lãi từ ngày 11/9/2023 đến ngày 11/10/2023 là 01 tháng x 1%/tháng x 100.000.000đ bằng 100.000.000đ,

tổng cộng 101.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tiếp đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại các lời khai ngày 23/10/2024 bà Nguyễn Thị Đ trình bày yêu cầu:

Bà Điền vẫn giữ yêu cầu khởi kiện vợ chồng bà Th, ông D do không trả nợ đúng hạn, gốc 100.000.000đ và lãi 2%/tháng, từ ngày 11/9/2023 đến ngày 23/10/2024, tính tròn 13 tháng x 100.000.000đ = 23.400.000đ, cộng hai phần bằng 123.400.000đ. Nguyên nhân bà yêu cầu lãi 2% là vì bà Th, ông D không trả nợ và trốn tránh nên phải tính lãi 2%/tháng.

Tại phiên tòa bà Đ giữ yêu cầu khởi kiện bà Th, ông D về tiền vay gốc 100.000.000đ và lãi 1%/tháng, tính từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử 22/11/2024, tính tròn 14 tháng bằng: 100.000.000đ x 1%/tháng x 14 tháng = 14.000.000đ, cộng hai phần bằng 114.000.000đ. Nguyên nhân bà thay đổi yêu cầu lãi từ 1%/tháng tăng lên 2% và tại phiên tòa là 1%/tháng là do bà không hiểu, khi được giải thích nếu thay đổi tăng lên thì phải có đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện nếu không có đơn là vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên bà quyết định giữ nguyên yêu cầu 1%/tháng cho phù hợp đơn khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Th vắng mặt nên không có lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án về vay tiền giữa nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà Th ông D về tiền vay 100.000.000đ và tiền lãi 1,5%/tháng. Nhận thấy, khi ông D và bà Th vay tiền ngày 11/9/2023, việc vay tiền có biên nhận nợ và thể hiện người vay có ký tên trong biên nhận và có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng (thể hiện tại bút lục 04 và 53) nhưng đơn khởi kiện bà Đ chỉ yêu cầu 1%/tháng. Do đó, có cơ sở buộc ông D, bà Th trả vay tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định là 1%/tháng, căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D, bà Th trả vay tiền gốc 100.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định; về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và xác định tư cách đương sự là đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sự vắng

mặt của ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Th là đã được thông báo, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 12/11/2024, lần thứ hai ngày 22/11/2024) mà đương sự vắng mặt không lý do, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nhận thấy, việc tống đạt cho đương sự được thực hiện niêm yết theo điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đương sự không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nhà, nên tống đạt là hợp pháp, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự;

[2] Xét về nguyên đơn yêu cầu rút ủy quyền tham gia tố tụng đối với ông Lê Văn Bất tại phiên tòa là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đ đòi ông D, bà Th trả tiền vay gốc 100.000.000đ. Nhận thấy, căn cứ biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, nội dung thể hiện:

"BIÊN NHẬN

Tôi tên Nguyễn Văn D sinh năm 1964

Số CMND (CCCD: ... SĐT: 0939196709

Cư ngụ: ấp Ngãi Chánh, xã Ngãi Hùng

Huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh

Tôi có nhận số tiền mặt của (cô) chị: Nguyễn Thị Đ sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Cây Ổi, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Để trả Ngân hàng với tổng số tiền là 100.000.000đ VNĐ

(Viết bằng chữ: Một trăm triệu chẵn)

- Thời gian mượn từ ngày 11/9/2023 đến ngày 12/9/2023

- Lãi suất: 1,5% trên tháng

- Tiền tôi đã nhận đủ một lần

- Ngân hàng giải ngân xong tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền cho (cô) chị Điền

Nếu sai hợp đồng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm.

NGƯỜI GIAO	*NGƯỜI NHẬN*
(ký tên)	*(ký tên)*
Nguyễn Thị Đ	*Nguyễn Văn D"*

[3.1] Qua biên nhận thể hiện chỉ có ông D ký tên, nhưng lời khai xác nhận của bà Điền là trước khi ông D nhận tiền và làm biên nhận, thì bà Th có gọi điện thoại hỏi vay tiền rồi cho ông D nhận tiền cho nên căn cứ vào khoản 1 điều 24 Luật hôn nhân và gia đình quy định về căn cứ xác lập đại diện giữa vợ và chồng, khoản 1 điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng có cơ sở buộc bà Th cùng có nghĩa vụ trả nợ theo biên nhận.

[3.2] Đối với ông D, bà Th tại thời điểm giải quyết vụ án không có mặt ở địa phương nên Tòa án không tiến hành đối chất được giữa các đương sự. Nhưng về nguyên tắc ông, bà biết rõ mình đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận

tại biên nhận nhưng cố tình né tránh nghĩa vụ nên tự chịu hậu quả theo quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với tiền lãi, tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu 1%/tháng, sau đó yêu cầu 2%/tháng và tại phiên tòa yêu cầu 1%/tháng. Nhận thấy, tuy biên nhận thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp điều 468 của Bộ luật dân sự quy định về lãi suất "… *không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...*" . Nhưng tại đơn khởi kiện ban đầu và tại phiên tòa việc bà Điền yêu cầu 1%/tháng từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử 22/11/2024, tính tròn 14 tháng với số tiền bằng: 114.000.000đ (100.000.000đ x 1%/tháng x 14 tháng) là không vượt quá 20%/năm theo điều 468 của Bộ luật dân sự quy định như đã phân tích ở phần trên nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[5] Về án phí, căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Th có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền vay gốc, lãi: 114.000.000đ (*bằng chữ:* một trăm mười bốn triệu đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc: 100.000.000 đồng;

+ Tiền lãi: 14.000.000 đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Th liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5.700.000 đồng;

Trả lại bà Nguyễn Thị Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.525.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0003075 ngày 04/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có người đại diện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga